

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày: 21-05-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 05 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 04 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2015 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/03/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn H và vợ bà Nguyễn Thị T trình bày:

Do quen biết nên ngày 20/11/2024 vợ chồng ông có cho vợ chồng bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L vay số tiền 11.500.000.000 đồng (Mười một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) mục đích vay là để vợ chồng bà M, ông L cho người khác vay lại. Lãi suất 02 bên thỏa thuận là 2.000.000 đồng/ 1 tỷ/ 01 ngày. Khi vay có làm biên nhận. Vợ chồng bà M, ông L cam kết sẽ trả lãi cho vợ chồng tôi mỗi ngày. Nhưng vợ chồng bà M ông L chỉ trả lãi cho vợ chồng tôi được 05 ngày (đến ngày 25/11/2024) từ đó đến nay thì không trả lãi cho vợ chồng tôi, nên vợ chồng tôi mới yêu cầu vợ chồng bà M, ông L trả gốc và lãi cho vợ chồng tôi. Tuy nhiên vợ chồng bà M, ông L không thực hiện việc trả nợ. Ngoài số tiền trên vợ chồng bà M ông L còn nợ tiền vợ chồng tôi 03 dây hụi chết cụ thể như sau:

Dây hụi tháng, mỗi tháng đóng 30.000.000 đồng/ chân hụi áp ngày 24/9/2023 âm lịch có 22 hụi viên, dây hụi này vợ chồng bà M hốt còn nợ lại vợ chồng tôi 08 lần hụi chết với số tiền 240.000.000 đồng.

Dây hụi tuần, mỗi tuần 10.000.000 đồng gồm 40 hụi viên tham gia, bà M tham gia 02 chân hụi, dây hụi này bà M đã hốt 02 chân, còn nợ lại vợ chồng tôi 21 lần hụi chết với số tiền 420.000.000 đồng.

Dây hụi tuần mỗi tuần 5.000.000 đồng hụi áp ngày 01/3/2024 âm lịch gồm 40 hụi viên bà M tham gia 02 chân và đã hốt hết 02 chân, còn nợ lại tiền hụi chết với số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chết bà M còn nợ lại vợ chồng tôi là 760.000.000 đồng, sau đó bà M, ông L đóng hụi chết cho vợ chồng tôi được 69.300.000 đồng, còn nợ lại tiền hụi chết là 690.700.000 đồng.

Vào ngày hòa giải tại Tòa án ngày 11/4/2025 phía bà M, ông L và vợ chồng tôi đã thống nhất 02 tỷ đồng trong số tiền 11,5 tỷ đồng bà M, ông L viết biên nhận cho vợ chồng tôi là bà M, ông L lãnh nợ thay cho bà Châu Thị Bích E, vợ chồng tôi bỏ ra không yêu cầu trong vụ án này. Do vậy nay vợ chồng tôi rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2025 chỉ yêu cầu bà M, ông L trả cho vợ chồng tôi tiền vay 9.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật và tiền hụi còn nợ là 690.700.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 11/4/2025 bị đơn Bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L có ý kiến trình bày:

Do tôi và chị T, anh H là chỗ quen biết làm ăn nhiều năm, do chị Bích E thiếu tiền tôi 23.300.000.000 đồng và chị Bích E cần thêm tiền để rút bằng khoán vay ở Ngân hàng để chuyển quyền sử dụng đất cho tôi, nên tôi hỏi vay chỗ anh

H, chị T 6,5 tỷ đồng cộng với 03 tỷ đồng tiền nợ trước đây thành 9,5 tỷ đồng. để chuyển lại cho chị Bích E. Do chị Bích E nói đã nhận 2,0 tỷ đồng của chị T, anh H tiền mặt nên vợ chồng tôi viết biên nhận 11,5 tỷ nợ chị T, anh H.

Còn việc vợ chồng tôi còn nợ hụi 03 chân số tiền: 690.700.000 đồng là đúng.

Nay vợ chồng tôi đồng ý trả tiền cho chị T, anh H 9, 5 tỷ đồng và tiền hụi 690.700.000 đồng, còn số tiền 2.0 tỷ đồng trong biên nhận ngày 20/11/2024 thành 11,5 tỷ đồng là tiền chị T, anh H giao tiền mặt cho Bích E số tiền 2 tỷ đồng này khi nào tôi đòi được của Bích E, thì tôi sẽ giao lại cho chị T, anh H.

Khi nào bà Bích E trả nợ hết cho vợ chồng tôi, thì vợ chồng tôi sẽ trả hết số tiền cho anh H, chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M trả tiền vay và tiền nợ hụi mượn. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông L là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS 2015.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông H, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 02 tỷ đồng, chỉ yêu cầu bà M, ông L trả cho vợ chồng tôi tiền vay 9.500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật và tiền hụi còn nợ là 690.700.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2025 cũng như tại phiên tòa phía bị đơn bà Phạm Thị M và chồng ông Nguyễn Văn L thừa nhận vợ chồng bà M, ông L có viết biên nhận nợ ngày 20/11/2024 nợ vợ chồng ông H, bà T 11,5 tỷ đồng và tiền hụi 690.700.000 đồng. nhưng hẹn khi nào lấy được tiền nợ của bà Phạm Thị Bích E1 sẽ trả hết nợ. Nhưng nguyên đơn ông H, bà T không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, yêu cầu của bị đơn bà M, ông L không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 11/4/2025 giữa nguyên đơn ông H, bà T với bị đơn bà M, ông L thống nhất thỏa thuận bà M, ông L trả cho ông H, bà T số tiền 9,5 tỷ đồng và tiền hui 690.700.000 đồng, còn số tiền 02 tỷ đồng trong biên nhận nợ ngày 20/11/2024 là 11,5 tỷ là số tiền bà M, ông L nhận thay cho bà Bích E1 cả hai bên thống nhất để lại không yêu cầu trong vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn ông H, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 02 tỷ đồng có liên quan tới bà Bích E1 chỉ kiện bà M, ông L số tiền vay 9, 5 tỷ đồng và tiền hui, do đó Tòa án không xem xét đến số tiền 02 tỷ đồng, khi nào có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Nghĩ nên buộc bà M, ông L trả số tiền gốc 9,5 tỷ đồng và tiền lãi. Các đương sự thỏa thuận lãi suất cao so với quy định, nên phải điều chỉnh cho phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất được tính 20%/ năm, tính từ ngày vay 20/11/2024 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 21/5/2025 là phù hợp với Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Cụ thể: $9.500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 950.456.666 \text{ đồng}$ tiền lãi Khấu trừ đi tiền lãi bà M, ông L đã trả 05 ngày mỗi ngày trả $23.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ ngày} = 115.000.000 \text{ đồng}$, số tiền lãi còn lại: $835.456.666 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi: $10.335.456.666 \text{ đồng}$.

Ngoài ra bà M, ông L trả cho ông H, bà T số tiền nợ hui 690.700.000 đồng là đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà M, ông L phải trả cho nguyên đơn ông H, bà T tiền vay gốc 9,5 tỷ đồng và tiền lãi theo quy định và tiền nợ hui 690.700.000 đồng. đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền trả cho ông H, bà T $10.906.253.333 \text{ đồng}$ theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì số tiền án phí giá ngạch là: $119.026.157 \text{ đồng}$. Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền

63.500.000 đồng theo lai thu số 0014016 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 244 và Điều 227, Điều 228 và Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463 và Điều 466; 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ T1.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T (Đối với số tiền 02 tỷ đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H và vợ bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

3. Buộc ông Nguyễn Văn L và vợ bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho ông ông Lê Văn H và vợ bà Nguyễn Thị T số tiền vay: 10.335.456.666 đồng.(Mười tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó gốc: 9.500.000.000 đồng và tiền lãi: 835.456.666 đồng và tiền hui: 690.700.000 đồng (Sáu trăm chín mươi triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn).

Tổng cộng: 11.026.156.666 đồng (Mười một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành nguyên đơn, có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn, không chấp hành, hoặc thi hành không hết số tiền trên, thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trên số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L, bà Phạm Thị M phải chịu án phí giá ngạch trên số tiền trả cho ông H, bà T 10.906.253.333 đồng theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì số tiền án phí giá ngạch là: 119.026.157 đồng. Nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T số tiền 63.500.000 đồng theo lai thu số 0014016 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hs.

Nguyễn Tấn Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Đ, Lê Hoàng Vũ Nguyễn Tấn L1

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi